

Số: **35** /2017/TT-BQP

Hà Nội, ngày **12** tháng **02** năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ.

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân người Việt Nam và nước ngoài ở Việt Nam có hoạt động thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không

người lái và phương tiện bay siêu nhẹ; khai thác tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay là các thông số, các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của tàu bay, các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ, để đảm bảo an ninh, an toàn trong khai thác.

2. Tiêu chuẩn cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay, các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ là xác định mục đích sử dụng thiết bị bay; nguồn lực, năng lực, cơ sở pháp lý, tài liệu thiết kế kỹ thuật, công nghệ phù hợp với việc bảo đảm tiêu chuẩn đủ điều kiện bay.

3. Người khai thác tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ là cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ sở hữu của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân thuê, mượn hoặc được ủy quyền hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương 2

TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY; TIÊU CHUẨN, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP CHO CƠ SỞ THIẾT KẾ, SẢN XUẤT, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, THỬ NGHIỆM TÀU BAY, ĐỘNG CƠ TÀU BAY, CÁNH QUẠT TÀU BAY, CÁC TRANG BỊ, THIẾT BỊ CỦA TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN BAY SIÊU NHẸ

Điều 4. Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với tàu bay không người lái

Tàu bay không người lái, đủ điều kiện bay khi người khai thác cung cấp đầy đủ, cụ thể, chính xác các thông tin sau:

1. Đặc điểm nhận dạng tàu bay không người lái:

- a) Kiểu loại, ký hiệu, màu sắc, lô gô (nếu có);
- b) Hình dạng kèm theo hình ảnh màu kích thước khổ A4;
- c) Xuất xứ (nơi sản xuất, Nhà sản xuất, năm sản xuất, số xuất xưởng, vật liệu chế tạo);
- d) Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc hiệp đồng của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, tổ chức bay.

2. Tính năng cơ bản:

- a) Sải cánh, thân dài, chiều cao;
- b) Số lượng và kiểu loại động cơ, nơi sản xuất động cơ;
- c) Loại nhiên liệu sử dụng, dung tích bình nhiên liệu;

- d) Trọng lượng cất cánh tối đa;
- đ) Tốc độ bay: Tốc độ bay tối đa; tốc độ bay lên, tốc độ bay xuống, tốc độ bay hành trình;
- e) Tầm bay tối đa;
- g) Độ cao bay tối đa, thời gian đạt được độ cao tối đa, thời gian bay, bán kính hoạt động;
- h) Phương pháp cất, hạ cánh;
- i) Kích thước bãi cất, hạ cánh;
- k) Khả năng mang, treo thiết bị theo tàu bay (kèm theo thuyết minh tính năng thiết bị mang, treo); code nhận biết (nếu có);
- l) Phương pháp điều khiển tàu bay, phần mềm điều khiển, kiểu loại (tổ hợp) thiết bị điều khiển, tần số điều khiển, trạm mặt đất, (nếu có);
- m) Thiết bị thông tin hàng không, thiết bị dẫn đường, giám sát bay, (có mô tả tính năng);
- n) Thiết bị định vị (mô tả tính năng thiết bị định vị nếu có);
- o) Kiểu loại, tính năng thiết bị truyền dữ liệu, khả năng truyền dữ liệu, lưu dữ liệu hành trình bay (nếu có);
- p) Mô tả phương pháp điều khiển và phương thức bay;
- q) Mô tả hoạt động đèn tín hiệu khi bay (nếu có);
- r) Phương tiện vận chuyển tàu bay (nếu có);
- s) Số người tham gia vận hành, điều khiển;
- t) Các điều kiện hoạt động (yêu cầu về vị trí cất, hạ cánh; nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió và các nội dung khác có liên quan);
- u) Mục đích sử dụng (nêu rõ mục đích thương mại, văn hóa, thể thao, nghiên cứu khoa học, giải trí, chụp ảnh, ghi hình, trinh sát, quan sát và các nội dung khác có liên quan);
- v) Tính năng bay khác (nếu có).

Điều 5. Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với phương tiện bay siêu nhẹ

1. Đối với khinh khí cầu có người điều khiển, đủ điều kiện bay khi người khai thác cung cấp đầy đủ, cụ thể, chính xác các thông tin sau:

- a) Đặc điểm nhận dạng:
 - Kiểu loại, ký hiệu, màu sắc, lô gô (nếu có);
 - Hình dạng kèm theo hình ảnh màu kích thước khổ A4;
 - Xuất xứ (nơi sản xuất, Nhà sản xuất, năm sản xuất, số xuất xưởng, vật

liệu chế tạo);

- Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc hiệp đồng của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, tổ chức bay.

b) Tính năng cơ bản:

- Chiều cao tối đa khi được bơm đủ khí;
- Chiều rộng khi được bơm đủ khí;
- Kích thước của giỏ chở thiết bị, chở người;
- Loại động cơ điều khiển, động cơ thổi khí, trọng lượng động cơ;
- Loại nhiên liệu (loại khí) sử dụng, dung tích bình nhiên liệu;
- Trọng lượng tối đa của khinh khí cầu;
- Tốc độ bay: Tốc độ bay tối đa, tốc độ bay lên, tốc độ bay xuống, tốc độ bay hành trình;
- Tầm bay tối đa;
- Độ cao bay tối đa, thời gian bay lên đạt độ cao tối đa, thời gian bay tối đa, bán kính hoạt động bay;
- Mô tả phương pháp điều khiển và phương thức bay;
- Khả năng mang treo thiết bị, chở người (số lượng, trọng lượng);
- Phương pháp điều khiển, tần số điều khiển (nếu có);
- Thiết bị thông tin hàng không, thiết bị dẫn đường, giám sát bay, code nhận biết (nếu có);
- Thiết bị định vị (mô tả tính năng thiết bị định vị nếu có);
- Kiểu loại, tính năng thiết bị truyền dữ liệu, khả năng truyền dữ liệu, lưu dữ liệu hành trình bay (nếu có);
- Mô tả hoạt động đèn tín hiệu khi bay (nếu có);
- Số người tham gia vận hành, điều khiển;
- Điều kiện hoạt động bay (yêu cầu vị trí phóng, thả, treo, nhiệt độ, tốc độ gió, độ ẩm);
- Hình ảnh logo, hình ảnh quảng cáo trên khinh khí cầu (nếu có);
- Độ cao treo hoặc bay;
- Mục đích sử dụng, ứng dụng (nêu rõ mục đích thương mại, văn hóa, thể thao, nghiên cứu khoa học, giải trí, chụp ảnh, ghi hình, trinh sát, quan sát...);
- Tính năng bay khác (nếu có).

2. Đối với khinh khí cầu không có người điều khiển, đủ điều kiện bay

khi người khai thác cung cấp đầy đủ, cụ thể, chính xác các thông tin sau:

a) Đặc điểm nhận dạng:

- Kiểu loại, ký hiệu, màu sắc, lô gô (nếu có);
- Hình dạng kèm theo hình ảnh màu kích thước khổ A4;
- Xuất xứ (nơi sản xuất, Nhà sản xuất, năm sản xuất, số xuất xưởng, vật liệu chế tạo);
- Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc hiệp đồng của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, tổ chức bay.

b) Tính năng cơ bản:

- Chiều cao tối đa khi được bơm đủ khí;
- Chiều rộng khi được bơm đủ khí;
- Kích thước của giỏ chở thiết bị;
- Loại động cơ điều khiển, động cơ thổi khí, trọng lượng động cơ;
- Loại nhiên liệu (loại khí) sử dụng, dung tích bình nhiên liệu;
- Trọng lượng tối đa của khinh khí cầu;
- Tốc độ bay: Tốc độ bay tối đa, tốc độ bay lên, tốc độ bay xuống, tốc độ bay hành trình;
- Tầm bay tối đa;
- Độ cao bay tối đa, thời gian bay đạt độ cao tối đa, thời gian bay, bán kính hoạt động bay;
- Mô tả phương pháp điều khiển và phương thức bay;
- Khả năng mang, treo thiết bị (số lượng, trọng lượng);
- Phương pháp điều khiển, tần số điều khiển, code nhận biết (nếu có);
- Thiết bị thông tin hàng không, thiết bị dẫn đường, giám sát bay;
- Thiết bị định vị (mô tả tính năng thiết bị định vị nếu có);
- Kiểu loại, tính năng thiết bị truyền dữ liệu, khả năng truyền dữ liệu (nếu có);
- Mô tả hoạt động đèn tín hiệu khi bay (nếu có);
- Số người tham gia vận hành;
- Điều kiện hoạt động bay (yêu cầu vị trí phóng, thả, treo, nhiệt độ, tốc độ gió, độ ẩm);
- Tính năng bay khác (nếu có).

3. Đối với mô hình bay, đủ điều kiện bay khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau: